TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-PT
Ngày 25/01/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Quán.

Các Thẩm phán: Bà Lù Làn Din;

Bà Trần Thị Khánh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lự Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26/12/2017 và ngày 25/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2017/TLPT-DS ngày 30/10/2017 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố I, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐ-PT ngày 13/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phùng Dương Đ và bà Tăng Thị Q.

Cùng địa chỉ: Số nhà 056, đường C, phường A, thành phố I, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ2.

Địa chỉ: Số nhà 051, phố T, tổ 43, phường K, thành phố I, tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Chị Mông Thị L.

Địa chỉ: Tập thể Trường Cao đẳng cộng đồng. Số 028 phố G, phường K, thành phố I, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị D.

Địa chỉ: Số nhà 575, đường H, phường K, thành phố I, tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phùng Anh P.

Địa chỉ: Số nhà 056, đường C, phường A, thành phố I, tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Người kháng cáo: Chị Mông Thị L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/5/2011, ông Phùng Dương Đ và bà Tăng Thị Q có cho vợ chồng anh Phùng Anh P và chị Mông Thị L vay số tiền là 700.000.000 đồng (Khi đó anh P, chị L là vợ chồng) để mua xe ô tô. Việc vay tiền có lập thành văn bản và anh P là người trực tiếp ký nhận vay tiền, chị L không ký vì khi đó chị L đi học không có mặt tại địa phương. Tháng 3 năm 2014, Tòa án nhân dân thành phố I giải quyết công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh P. Ngày 22/3/2016, Tòa án nhân dân thành phố I đã giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng anh P và chị L sau khi ly hôn, sau khi xét xử sơ thẩm, Anh P đã kháng cáo toàn bộ bản án. Ngày 15/7/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã xét xử phúc thẩm. Tại bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã giải quyết chia tài sản chung giữa anh P và chị L. Theo bản án, tòa án đã chia tài sản chung của vợ chồng anh chị nhưng chưa xem xét khoản tiền vay nợ của ông bà.

Nay ông bà khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc chị Mông Thị L, phải trả cho ông bà 1/2 số tiền đã vay là 350.000.000 đồng; phần còn lại 350.000.000 đồng ông bà sẽ yêu cầu anh Phùng Anh P thanh toán sau.

Tại bản tự khai của bị đơn chị Mông Thị L và lời trình bày của chị Nguyễn Thị D người đại diện theo ủy quyền của chị L tại phiên tòa: Số tiền 700.000.000 đồng anh Phùng Anh P có ký vay nợ ông bà Đ, Q chị Mông Thị L không được vay và không được sử dụng số tiền vay đó nên chị không có trách nhiệm phải trả số tiền đó cho ông bà Đ, Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng Anh P trình bày: Do cần phương tiện đi lại. Thời điểm đó vợ anh là chị Mông Thị L đi học, nên anh có bàn với chị L vay của bố mẹ anh là ông Đ, bà Q số tiền 700.000.000 đồng để mua chiếc xe ô tô của công ty TNHH xây dựng S. Khi vay tiền anh là người trực tiếp nhận tiền, viết giấy vay nợ và sau đó đã mua xe ô tô. Khi vợ chồng anh ly hôn, Tòa án hai cấp chia tài sản chung vợ chồng trong đó có chiếc xe ô tô đó. Nên khoản nợ 700.000.000 đồng anh xác định là khoản nợ chung của vợ chồng. Anh xác định

anh và chị L mỗi người phải có trách nhiệm trả 1/2 số tiền nợ trên là 350.000.000 đồng.

Bản án sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố I, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Áp dụng Điều 463; 466 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ,án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Dương Đ và bà Tăng Thị Q, buộc chị Mông Thị L phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Phùng Dương Đ, bà Tăng Thị Q số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Về án phí: Buộc chị Mông Thị L phải chịu 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/10/2017, bị đơn chị Mông Thị L kháng cáo toàn bộ nội dung bản án bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai bác đơn khởi kiện của ông Phùng Dương Đ, bà Tăng Thị Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Mông Thị L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Chấp nhận kháng cáo của chị Mông Thị L, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố I theo hướng: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phùng Dương Đ và bà Tăng Thị Q, buộc anh Phùng Anh P và chị Mông Thị L phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho ông Phùng Dương Đ, bà Tăng Thị Q số tiền 350.000.000 đồng. Anh P và chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Dương Đ và bà Tăng Thị Q: Ngày 12/5/2011, khi đó anh Phùng Anh P và chị Mông Thị L là vợ chồng, do có nhu cầu

mua xe ô tô, anh Phùng Anh P vay của ông Phùng Dương Đ và bà Tăng Thị Q (là bố, mẹ đẻ anh P) 700.000.000 đồng và đã mua xe ô tô BKS 24N- 85xx của công ty TNHH xây dựng S do ông Nguyễn Văn M làm giám đốc. Việc vay tiền có lập thành văn bản và anh P là người trực tiếp ký nhận vay tiền, chị L không ký. Tại bản án số 05/2016/HNGĐ-PT ngày 15/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố I về việc chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn đã xác định chiếc xe ô tô biển kiểm sóat 24N-85xx là tài sản chung của vợ chồng anh P, chị L có trong thời kỳ hôn nhân và đã được Tòa án chia tài sản chung theo yêu cầu của chị L, anh P.

Căn cứ vào lời khai của anh P và các chứng cứ khác xác định: Số tiền anh P vay ông Phùng Dương Đ và bà Tăng Thị Q là để mua xe ô tô biển kiểm soát 24N-85xx. Mặc dù giấy vay nợ chỉ có chữ ký của anh P nhưng số tiền được dùng để mua sắm tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn số tài sản đó đã được xác nhận là tài sản chung của vợ chồng và đã được chia theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền anh P vay của ông Dương, bà Q là khoản nợ chung của vợ chồng anh Phùng Anh P và chị Mông Thị L trong thời kỳ hôn nhân và buộc chị L phải có nghĩa vụ thanh toán 1/2 số tiền nợ trên là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của chị Mông Thị L, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thời hạn kháng cáo: Do không nhất trí với bản án sơ thẩm 15/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố I, ngày 11/10/2017, chị Mông Thị L đã kháng cáo. Đơn kháng cáo của chị L được thực hiện trong thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo: Chị Mông Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố I, tỉnh Lào Cai và cho rằng khoản nợ ông Phùng Dương Đ, bà Tăng Thị Q là do anh Phùng Anh P vay ngày 12/5/2011, chị không biết và không được sử dụng số tiền trên. Chị vẫn khẳng định chiếc xe ô tô BKS 24N – 85xx là tài sản chung của vợ chồng anh chị có trong thời kỳ hôn nhân, việc Tòa án chia khi anh chị ly hôn là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên chị L không có chứng cứ nào chứng minh khoản tiền anh P mua chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 24N - 85xx do đâu mà có, không biết anh P lấy tiền mua ô tô từ nguồn nào; Khi ly hôn chị đã yêu cầu Tòa án chia chiếc xe ô tô trên vì chị xác định chiếc xe đó có trong thời kỳ hôn nhân nên chị xác định đó là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Như vậy, HĐXX phúc thẩm xác định khoản nợ 700.000.000đ do anh Phùng Anh P vay ngày 12/5/2011 của ông Phùng Dương Đ, bà Tăng Thị Q là khoản nợ chung của anh P, chị L khi còn là vợ chồng. Khoản nợ đó được anh P vay để mua chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 24N - 85xx nên anh P và chị L phải phải có trách

nhiệm trả cho ông Đ, bà Q và HĐXX xác định trách nhiệm trả nợ của mỗi người là 1/2 số tiền nợ ông Đ, bà Q (Mỗi người phải chịu 350.000.000đồng).

Vì vậy, ông Đ và bà Q khởi kiện yêu cầu chị Mông Thị L phải trả 1/2 số nợ cho ông bà, với số tiền là 350.000.000đ, còn phần nợ của anh P ông bà sẽ đòi sau. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, buộc chị Mông Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Đ, bà Q 350.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị L không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy kháng cáo của chị Mông Thị L không có căn cứ nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố I.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Mông Thị L không được chấp nhận nên chị L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Mông Thị L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố I, tỉnh Lào Cai như sau:

Áp dụng điều 463; 466 Bộ luật dân sự; khoản 1 điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Dương Đ và bà Tăng Thị Q, buộc chị Mông Thị L phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Phùng Dương Đ, bà Tăng Thị Q số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc chị Mông Thị L phải chịu 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ông Phùng Dương Đ và bà Tăng Thị Q không phải chịu án phí, được hoàn trả 8.750.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004231 ngày 04/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố I.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc chị Mông Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm

ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số: 0004676 ngày 23/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố I.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh 2;
- TAND thành phố I;
- THADS thành phố I;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Vũ Minh Quán